

P, ngày 30 tháng 11 năm 20122

Số: **79/2022/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 232/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCPÁC. Địa chỉ trụ sở: Số 442 NTMK, p5, q3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến P - Chức vụ Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thanh H- Giám đốc Phòng quản lý nợ. Địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà ACB, số 444A-446 Cách mạng T t, p11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Thanh P- Nhân viên phòng quản lý nợ. Địa chỉ: L8, tòa nhà ACB, số 444A-446 Cách mạng T t, p11, q3, thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng.

* **Bị đơn:** Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1963 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: Số 232/2 ấp TP, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TM C P Á C với tổng số tiền vay là 412.285.501 đồng, trong đó: vốn gốc 353.617.435 đồng, lãi trong hạn 22.634.549 đồng, lãi quá hạn 34.207.055 đồng, phạt chậm trả lãi 1.826.462 đồng.

Thời hạn thực hiện trả: Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, tính kể từ ngày 22/11/2022 đến ngày trả hết nợ.

Nếu ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ gồm quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ và/hoặc cá nhân ông HỒ VĂN Đ và bà Đặng Thị N tại:

Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: ấp T P, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sở hữu, sử dụng của hộ ông Hồ Văn Đ.

Thửa đất số số 171, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: ấp GHB, xã G T, huyện P, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn Đ và bà Đặng Thị N.

Thửa đất số số 277, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Ấp G HB, xã G T, huyện P, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn Đức và bà Đặng Thị Nhiên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn Đ là người có công với cách mạng nên được miễn.

- Bà Đặng Thị N nộp: 5.154.000 (Năm triệu một trăm năm mươi bốn nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Ngân hàng TMCP Á C được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phhoàn trả số tiền tạm ứng đã nộp 9.589.012 đồng theo biên lai thu số 0007511 ngày 18/10/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

